

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 1/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 1076/Tr-STC ngày 29/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Lào Cai

1. Đối tượng áp dụng:

1.1. Đối tượng thực hiện thu: Tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện được thu tiền trông giữ xe.

1.2. Đối tượng thực hiện nộp:

a) Mọi tổ chức, cá nhân là chủ phương tiện có nhu cầu gửi trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện đều phải thực hiện nộp tiền trông giữ xe theo mức giá quy định trên.

b) Trừ trường hợp các tổ chức, cá nhân có hoạt động trông giữ xe nhưng không thu tiền như: Cơ quan nhà nước tổ chức giữ xe cho khách đến giao dịch hoặc liên hệ công tác; Khách sạn, nhà hàng giữ xe cho khách hàng; các trường học Trung học phổ thông, Trung học cơ sở có bố trí địa điểm để xe cho học sinh...

2. Mức giá dịch vụ: *(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và được áp dụng cho các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện theo quy định.

3. Quản lý dịch vụ trông giữ xe:

3.1. Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh trông giữ phương tiện phải được cấp phép hoạt động phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị trên địa bàn tỉnh.

3.2. Khoản tiền thu được từ dịch vụ trông giữ xe là doanh thu của đơn vị, đơn vị có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật và bảo đảm bù đắp toàn bộ chi phí hợp lý để đầu tư và thực hiện công tác trông giữ xe; có lợi nhuận định mức phù hợp với điều kiện kinh doanh thực tế của đơn vị, thu nhập của nhân dân tại địa bàn và chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ. Hàng năm, đơn vị phải thực hiện quyết toán thuế đối với doanh thu thu được cùng với kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh khác (nếu có) với cơ quan thuế. Tuy nhiên, đối với các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì khoản thu này được cơ quan chủ quản thực hiện giao dự toán, kiểm tra giám sát hàng năm.

3.3. Đơn vị quản lý phải đăng ký với cơ quan Thuế để mua hoặc in, phát hành chứng từ thu theo quy định để cấp cho người nộp tiền.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan tài chính các cấp chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô của các tổ chức, cá nhân trông giữ xe.

2. Cơ quan Thuế phối hợp với chính quyền địa phương các cấp thường xuyên kiểm tra, rà soát việc chấp hành các quy định của pháp luật về thuế; hướng dẫn các đơn vị thực hiện kê khai nộp thuế, quyết toán thuế đối với doanh thu thu được theo quy định của Luật Quản lý thuế hiện hành.

3. UBND các huyện, thành phố:

- Quản lý hoạt động trông giữ xe theo địa bàn quản lý.
- Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ trông giữ xe theo địa bàn quản lý để kịp thời chấn chỉnh những sai phạm (nếu có) của tổ chức, cá nhân có hoạt động dịch vụ trông giữ xe.

4. Các tổ chức, cá nhân có tự đầu tư không bằng nguồn vốn ngân sách trông giữ xe có trách nhiệm:

- Quy định mức giá dịch vụ trông giữ xe theo quy định.
- Chấp hành việc niêm yết công khai giá dịch vụ trông giữ xe của từng loại phương tiện và không được thu cao hơn mức giá niêm yết.
- Sử dụng mặt bằng được cấp có thẩm quyền cho phép dùng vào việc trông giữ xe theo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện việc trông giữ xe không được làm ảnh hưởng đến giao thông; môi trường; phòng cháy, chữa cháy;...
- Thực hiện đăng ký kinh doanh với cơ quan có thẩm quyền để cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định.
- Đăng ký thuế, nộp thuế theo quy định hiện hành của nhà nước.
- Trong quá trình thực hiện việc trông giữ xe; nếu để xảy ra mất mát, hư hỏng xe của người gửi thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

5. Mọi tổ chức, cá nhân tự ý lấn chiếm lề đường, hè phố hoặc đất dành cho đường bộ hoặc công trình công cộng để làm nơi giữ xe không đúng quy định, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông, môi trường, phòng cháy, chữa cháy;... thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Chủ phương tiện đi lại, vận chuyển có trách nhiệm chi trả giá dịch vụ trông giữ xe theo đúng quy định nêu trên. Trường hợp mất vé xe phải kịp thời báo cho tổ chức, cá nhân trông giữ xe biết để cùng phối hợp giải quyết, ngăn ngừa kẻ gian lợi dụng lấy cắp.

7. Tổ chức, cá nhân vi phạm trong lĩnh vực quản lý giá sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP. Thông tư số 31/2014/TT-BTC ngày 07/3/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017 và bãi bỏ Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu Phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định điều chỉnh mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài Chính, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Giám đốc Kho Bạc Nhà nước; Giám đốc Công an tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

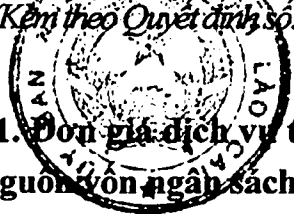
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công báo tỉnh;
- Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, TH, KT, TM *Phong*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong

Phụ lục
QUY ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE ĐẠP, XE MÁY, XE Ô TÔ TẠI
CÁC ĐIỂM ĐỖ, BÃI TRÔNG XE TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI
(Kèm theo Quyết định số: 4819/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Lào Cai)



1. Đơn giá dịch vụ trông giữ xe đối với các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

(Đơn vị tính: đồng)

a) Đơn giá dịch vụ trông giữ xe tại các bến, bãi, điểm đỗ xe:

STT	Loại phương tiện gửi	Đơn giá			
		Ban ngày (đồng/xe/lần)	Ban đêm (đồng/xe/lần)	Cả ngày + đêm (đồng/xe)	Theo tháng (đồng/xe)
1	Xe đạp, xe đạp điện	2.000	4.000	6.000	70.000
2	Xe máy, xe máy điện và các loại xe máy, xe thô sơ khác	4.000	8.000	12.000	140.000
3	Xe ô tô trọng tải dưới 10 tấn, ô tô chở khách dưới 09 chỗ ngồi	15.000	20.000	35.000	400.000
4	Xe ô tô trọng tải từ 10 tấn đến dưới 30 tấn, ô tô chở khách từ 9 chỗ đến 30 chỗ ngồi	20.000	30.000	50.000	600.000
5	Xe ô tô trọng tải từ 30 tấn trở lên, Container 20 fit đến 40 fit, ô tô chở khách trên 30 chỗ ngồi trở lên và xe giường nằm.	30.000	40.000	70.000	700.000

b) Đơn giá trông giữ xe tại các trường học bệnh viện:

+ Xe đạp, xe đạp điện; xe máy, xe máy điện, xe thô sơ, xe ô tô dưới 09 chỗ ngồi tại: bằng 50% đơn giá quy định tại mục trên.

+ Xe ô tô trọng tải dưới 10 tấn, Xe ô tô trọng tải từ 10 tấn đến dưới 30 tấn, ô tô chở khách từ 9 chỗ đến 30 chỗ ngồi, Xe ô tô trọng tải từ 30 tấn trở lên, Container 20 fit đến 40 fit, ô tô chở khách trên 30 chỗ ngồi trở lên và xe giường nằm: bằng 100% đơn giá quy định tại mục a trên.

c) Đơn giá trông giữ phương tiện do vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ:

Tên phương tiện	Đơn giá (đồng/xe/ngày đêm)
Xe đạp, xe đạp điện	15.000
Xe máy, xe máy điện, xe đạp thô, xe kéo tay, xe súc vật kéo, xe lam 03 bánh và các xe thô sơ khác	20.000
Xe ô tô trọng tải dưới 10 tấn, ô tô chở khách dưới 09 chỗ ngồi	100.000
Xe ô tô trọng tải từ 10 tấn đến dưới 30 tấn, ô tô chở khách từ 9 chỗ đến 30 chỗ ngồi	150.000
Xe ô tô trọng tải từ 30 tấn trở lên, Container 20 fit đến 40 fit, ô tô chở khách trên 30 chỗ ngồi trở lên và xe giường nằm.	200.000

d) Đơn giá trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô tại các điểm trông giữ phương tiện tại các điểm danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa; nơi tổ chức các sự kiện theo kế hoạch được UBND huyện, thành phố và UBND tỉnh phê duyệt; các hoạt động lễ hội, hội chợ trên địa bàn tỉnh Lào Cai (áp dụng trong những ngày tổ chức sự kiện, lễ hội, hội chợ được quy định trong quyết định của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức sự kiện, lễ hội, hội chợ).

Tên phương tiện	Đơn giá ban ngày (đồng/xe/lần)	Đơn giá ban đêm (đồng/xe/lần)
Xe đạp, xe đạp điện	5.000	10.000
Xe máy, xe máy điện và các loại xe máy, xe thô sơ khác	10.000	20.000

Xe ô tô trọng tải dưới 10 tấn, ô tô chở khách dưới 09 chỗ ngồi	30.000	60.000
Xe ô tô trọng tải từ 10 tấn đến dưới 30 tấn, ô tô chở khách từ 9 chỗ đến 30 chỗ ngồi	50.000	100.000
Xe ô tô trọng tải từ 30 tấn trở lên, Container 20 fit đến 40 fit, ô tô chở khách trên 30 chỗ ngồi trở lên và xe giường nằm.	60.000	120.000

2. Đơn giá dịch vụ trông giữ xe đối với các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước:

Trên cơ sở mức giá nêu trên, tổ chức, cá nhân có hoạt động dịch vụ trông giữ xe quy định mức giá dịch vụ trông giữ xe nhưng tối đa không được vượt mức giá của từng loại phương tiện theo quy định nêu trên. *g/*